TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-ST

Ngày 29-6-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hiền và Trần Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên*: Phan Văn Tr; Sinh ngày 24/5/2001; Nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk; Nơi tạm trú: Thôn Xuân Sơn, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn V và bà Phan Thị Ph; Vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/3/2022 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. *Họ và tên*: Nguyễn Văn Q; Sinh ngày 10/6/2003; Nơi sinh: tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Xuân Sơn, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị T; Vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/3/2022 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn Tr:* Bà Đinh Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Hồ Sỹ H; Sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn Nam S, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt.

2. Phan Thanh B; Sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Cường Th, xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần T; Sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn Hải Đ, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Buôn bán; vắng mặt.

2. Chu Thị X; Sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn Thành V, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Buôn bán; vắng mặt.

3. Hoàng Thị T; Sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn Xuân S, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt.

4. Nguyễn Thị T; Sinh năm 1953; Nơi cư trú: Thôn Lâm Phú Th, xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; vắng mặt.

5. Hoàng Thị M; Sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn Lâm V, xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/01/2022, Phan Văn Tr và Nguyễn Văn Q đi chơi ở xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân về, khi đi qua xưởng cơ khí Thành Đạt thuộc thôn Bắc Sơn, xã Cương Gián của anh Hồ Sỹ H, trú tại thôn Nam S, xã Cương Gián thì Tr nhìn thấy có 14 chiếc kèo sắt và 02 cột trụ sắt để trước xưởng không có ai trông coi nên rủ Q lấy trộm thì Q đồng ý. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 38N1-128.49 chở Tr đi tìm xe kéo để lấy trộm số tài sản trên thì phát hiện có một chiếc xe kéo không rõ của ai để ở cổng làng nên cả hai kéo quay lại xưởng cơ khí Thành Đạt. Tại đây, Tr và Q vào lấy trộm 08 chiếc kèo sắt mang ra đặt lên xe kéo rồi đưa về cất giấu trong vườn nhà anh Trần T, trú tại thôn Hải Đông, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân. Q tiếp tục chở Tr quay lại lấy trộm tiếp 06 chiếc kèo sắt và 02 cột trụ sắt còn lại chở về cất giấu tại vườn nhà anh T, dọc đường cả hai làm rơi 01 chiếc kèo sắt. Quá trình chở tài sản lấy trộm về, khi đi qua nhà anh Phan Thanh B, trú tại thôn Cường Th, xã Xuân Liên, Tr nhìn thấy có 04 cánh cửa sắt để trước nhà anh B, không có người trông coi, Tr rủ Q lấy trộm thì Q đồng ý. Sau khi chở tài sản lấy trộm ở xã Cương Gián về hết thì cả hai quay lại lấy trộm 04 cánh cửa sắt nói trên rồi tiếp tục chở về vườn nhà anh T. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, Q vào gọi anh T dậy nói: cho bọn em bán sắt cấy, bọn em chở đến để trong vườn nhà anh rồi. Anh T thấy sắt thì hỏi: sắt của ai đây? Tr trả lời: sắt của bọn em. Sau khi kiểm tra, anh T đồng ý mua hết số sắt nói trên với giá 3.200.000 đồng rồi trả trước cho Tr và Q 2.000.000 đồng, còn nợ 1.200.000 đồng. Bán sắt xong, Q chở Tr đưa chiếc xe kéo đến xã Cương Gián để lại vị trí cũ rồi cả hai về nhà ngủ. Số tiền 2.000.000 đồng có được từ việc bán số sắt lấy trộm, Tr và Q chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng và sử dụng cá nhân hết. Đến ngày 15/01/2022, anh T đưa 02 cánh cửa sắt và 02 cột trụ sắt đến bán cho chị Chu Thị X, trú tại thôn Thành V, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân với giá 1.380.000 đồng nhưng chị X chưa trả số tiền trên cho anh T.

Ngày 28/02/2022, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Nghi Xuân kết luận: 14 chiếc kèo sắt giống nhau, mỗi kèo sắt được làm từ 01 thanh sắt hộp kích thước 03x03x370 (cm), 01 thanh sắt hộp kích thước 03x06x370 (cm) và 08 đoạn sắt hộp giống nhau, mỗi đoạn có kích thước 03x03x08 (cm), trị giá là 1.570.380 đồng. 02 cánh cửa sắt sơn màu vàng nhạt đều có kích thước cao 1,8 (m), rộng 1,2 (m) được làm từ các thanh sắt hàn nối liên kết với nhau, đã qua sử dụng, bị gỉ sét, một cánh nặng 32(kg), một cánh nặng 26(kg) và 02 cánh cửa sắt giống nhau màu trắng bạc có kích thước cao 2,1(m), rộng 01(m) được làm từ các thanh sắt hàn nối liên kết với nhau, đã qua sử dụng, bị gỉ sét, mỗi cánh nặng 45,3(kg), trị giá 1.486.000 đồng. 02 cột trụ sắt giống nhau có kích thước cao 01 (m), rộng 0,4 (m), được làm từ các thanh sắt hàn nối liên kết với nhau, đã qua sử dụng, bị gỉ sét, mỗi cột trụ nặng 20 kg, trị giá 400.000 đồng. Tổng cộng: 3.456.380 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghi Xuân đã tạm giữ, thu giữ vật chứng và xử lý như sau: 13 chiếc kèo sắt giống nhau, mỗi kèo sắt được làm từ 01 thanh sắt hộp kích thước 03x03x370 (cm), 01 thanh sắt hộp kích thước 03x06x370 (cm) và 08 đoạn sắt hộp giống nhau, mỗi đoạn có kích thước 03x03x08 (cm); 02 cột trụ sắt giống nhau có kích thước cao 01 (m), rộng 0,4 (m), được làm từ các thanh sắt hàn nối liên kết với nhau, đã qua sử dụng, bị gỉ sét. Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Hồ Sỹ H. 02 cánh cửa sắt sơn màu vàng nhạt đều có kích thước cao 1,8 (m), rộng 1,2 (m) được làm từ các thanh sắt hàn nối liên kết với nhau, đã qua sử dụng, bị gỉ sét; 02 cánh cửa sắt giống nhau màu trắng bạc có kích thước cao 2,1(m), rộng 01(m) được làm từ các thanh sắt hàn nối liên kết với nhau, đã qua sử dụng, bị gỉ sét. Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phan Thanh B. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 38N1-128.49, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 38N1-128.49 thuộc quyền sở hữu của chị Hoàng Thị T. Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về phần dân sự: Anh Hồ Sỹ H đã nhận lại 13 chiếc kèo sắt và 02 cột trụ sắt. Đối với 01 chiếc kèo sắt không thu hồi được, các bị cáo đã bồi thường cho anh Hướng số tiền 500.000 đồng. Anh Phan Thanh B đã nhận lại 04 cánh cửa sắt. Các bị cáo Phan Văn Tr, Nguyễn Văn Q đã tự nguyện trả lại cho anh Trần T số tiền 2.000.000 đồng. Hiện nay bị hại, người liên quan không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Với hành vi trên, Cáo trạng số 17/CT –VKS-NX ngày 24/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân đã truy tố các bị cáo Phan Văn Tr và Nguyễn Văn Q về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên lời khai tại hồ sơ vụ án phản ánh nội dụng như lời trình bày của các bị cáo và nội dung bản cáo trạng và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm về mặt dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Văn Tr và Nguyễn Văn Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Văn Tr, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo mức án từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 - 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra còn đề xuất án phí.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn Tr đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ để xét xử bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nghi Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, như vậy đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 14/01/2022, Phan Văn Tr cùng Nguyễn Văn Q đã có hành vi lấy trộm 14 chiếc kèo sắt, trị giá là 1.570.380 đồng và 02 cột trụ sắt, đã qua sử dụng, bị gỉ sét trị giá 400.000 đồng của anh Hồ Sỹ H, trú tại thôn Nam S, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân; lấy trộm của anh Phan Thanh B, trú tại thôn Cường Th, xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân 04 cánh cửa sắt, đã qua sử dụng, bị gỉ sét trị giá 1.486.000 đồng nhằm mục đích bán lấy tiền để tiêu xài cá nhân. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.456.380 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo Phan Văn Tr và Nguyễn Văn Q lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng trị giá 3.456.380 đồng; các bị cáo thực hiện hành vi khi đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, không thuộc tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về đánh giá vai trò vị trí của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó Phan Văn Tr là người khởi xướng, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; Nguyễn Văn Q là người tham gia tích cực, trực tiếp thực hiện tội phạm cùng với Phan Văn Tr. Vì vậy các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho các bị cáo tu dưỡng, sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng" do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo Phan Văn Tr gia đình thuộc diện hộ nghèo; bị cáo Nguyễn Văn Q hoàn cảnh khó khăn, sống phụ thuộc vào gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Trong vụ án này đối với anh Trần T là người mua của Phan Văn Tr và Nguyễn Văn Q 13 chiếc kèo sắt, 02 cột trụ sắt và 04 cánh cửa sắt với giá 3.200.000 đồng. Tuy nhiên anh T không hứa hẹn gì trước, cũng không biết tài sản do Phan Văn Tr, Nguyễn Văn Q phạm tội mà có. Vì vậy không đủ căn cứ xử lý Trần T theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với chị Chu Thị X là người mua của anh Trần T 02 cánh cửa sắt và 02 cột trụ sắt với giá 1.380.000 đồng. Tuy nhiên chị X không biết tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy không có căn cứ xử lý chị Chu Thị X theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với chị Hoàng Thị T là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, mang biển kiểm soát 38N1-128.49 là phương tiện Phan Văn Tr và Nguyễn Văn Q sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên chị T không biết việc Tr và Q sử dụng phương tiện của mình để thực hiện

hành vi phạm tội. Vì vậy, hành vi của chị Hoàng Thị T không có dấu hiệu tội phạm.

[10] Về vật chứng: Vật chứng đã được Cơ quan điều tra trả lại trong quá trình điều tra là đúng quy định nên HĐXX không xem xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Phan Văn Tr thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo; các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn Q áp dụng thêm điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Phan Văn Tr áp dụng thêm điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Văn Tr và Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

3. Về hình phạt chính:

3.1. Xử phạt Phan Văn Tr 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3.2. Xử phạt Nguyễn Văn Q 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phan Văn Tr.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- CQCSĐT Công an huyện Nghi Xuân;
- CQTHAHS Công an huyện Nghi Xuân;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Nghi Xuân;
- UBND xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân;
- Hồ sơ Công an;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu: HS; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

Hoàng Trung Thông